

*Bản án số 19/2019/HNGĐ-PT
Ngày 30-8-2019
V/v Ly hôn, t/c chia tài sản chung
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn
Bà Trịnh Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, t/c chia tài sản chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2019/QĐ-PT ngày 24/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐ-PT ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị M - Sinh năm 1969, có mặt

2. Bị đơn: Anh Bùi Đắc H - Sinh năm 1963, có mặt

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Bùi Thị Đ - Sinh năm 1950, vắng mặt.

-Anh Bùi Văn D -Sinh năm 1976, vắng mặt.

-Anh Bùi Duy Th - Sinh năm 1972, vắng mặt.

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

-Chị Bùi Thị S - Sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, phường Th, quận L, Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Anh Bùi Đắc H - Sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương năm 1990. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính cách hai người không hòa hợp, không tin tưởng nhau, thường xuyên nghi ngờ lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống. Do vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2016 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay cả anh H, chị M đều nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh H đều xác định vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị V - Sinh năm 1991 và Bùi Đắc A - Sinh năm 1993. Cả hai con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M và anh H thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có 167,5m² quyền sử dụng đất tại thửa 220, tờ bản đồ số 6, thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh chị, tài sản trên đất gồm dãy nhà trọ xây cấp 4 cho thuê, sân bê tông; 106m² quyền sử dụng đất tại thửa số 300, tờ bản đồ số 4, thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương., chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà hai tầng diện tích 61m², công trình phụ khép kín, lán broximang. Anh H và chị M đều đề nghị lấy tài sản là 106m² đất tại thửa số 300, tờ bản đồ số 4 và tài sản gắn liền với đất. Bên nào lấy nhà và đất này thì phải trả chênh lệch tài sản cho bên kia bằng tiền.

Người có quyền lợi liên quan trình bày: Bà Đ, ông D có diện tích đất ở tại thửa 161, tờ bản đồ 06 (nay là thửa số 300, tờ bản đồ số 4). Năm 2008 ông bà chuyển nhượng cho vợ chồng anh H, chị M 106m² đất trị giá 185.000.000đ. Hai bên thỏa thuận vợ chồng anh H tự làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng năm 2014 ông D chết nên các bên vẫn chưa hoàn thiện thủ tục. Nay các bên không có liên quan và không tranh chấp gì đối với diện tích đất đã chuyển nhượng. Những người con của ông D gồm chị S, anh Th, đều xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do bố mẹ (ông D, bà Đ) thực hiện từ năm 2008, do vậy không liên quan gì đến diện tích đất đã chuyển nhượng cho anh H, chị M.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã quyết định. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Đắc H. Về tài sản: Giao cho chị Bùi Thị M quản lý, sử dụng diện tích 106m² đất, tại thửa 300, tờ bản đồ số 4, tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà hai tầng, công trình phụ khép kín, ở thôn H, xã L, huyện K. Tổng trị giá 1.200.000.000đ. Giao cho anh Bùi Đắc H diện tích 167m² đất ở tại thửa 220, tờ bản đồ số 6, tài sản gắn liền với đất là 01 dãy nhà trọ cấp 4. Tổng trị giá 546.450.000đ ở thôn H, xã L, huyện K. Chị M phải trả anh H 326.775.000đ. Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/4/2019 anh H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chia cho anh sử dụng 106m² đất ở và nhà 02 tầng, chia cho anh tài

sản nhiều hơn vì anh có công sức đóng góp vào khối tài sản chung nhiều hơn chị M.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh H cung cấp các tài liệu thể hiện việc anh bị đau ốm, sức khỏe kém, các tài liệu chứng minh công sức của anh đóng góp nhiều hơn đối với tài sản là 106m² đất và nhà 2 tầng do có nguồn gốc từ nguồn tiền anh chuyển nhượng đất bố mẹ đã cho anh để lấy tiền trả nợ tiền nhận chuyển nhượng phần đất này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và chị M thống nhất thỏa thuận như sau: Anh H quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật gồm Quyền sử dụng đất diện tích 106m², tại thửa 300, tờ bản đồ số 4, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm 01 nhà hai tầng 61m² + Lán lợp broximang. Tổng trị giá 1.200.000.000đ. Quyền sử dụng đất diện tích 167,5m², tại thửa 220, tờ bản đồ số 6, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất 01 dãy nhà trọ cấp 4 diện tích 123,3m² lợp broximang, sân bê tông diện tích 4,42m². Tổng trị giá 546.450.000đ đều ở thôn thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh Bùi Đắc H trả cho chị Bùi Thị M tiền chênh lệch là 873.225.000đ, anh H đã trả tiền cho chị M ngay tại phiên tòa. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300 của BLTTDS sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Đắc H kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung, HĐXX xét thấy: Các đương sự đều thống nhất toàn bộ tài sản, giá trị của tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hùng và chị Mười thống nhất thỏa thuận như sau. Anh H quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật gồm Quyền sử dụng đất diện tích 106m², tại thửa 300, tờ bản đồ số 4, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm 01 nhà hai tầng 61m² + Lán lợp broximang, công trình phụ khép kín, có tổng trị giá 1.200.000.000đ và Quyền sử dụng đất diện tích 167,5m², tại thửa 220, tờ bản đồ số 6, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất 01 dãy nhà trọ cấp 4 diện tích 123,3m² lợp broximang, sân bê tông diện tích 4,42m² có tổng trị giá 546.450.000đ đều ở thôn thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh Bùi Đắc H trả cho chị Bùi Thị M tiền chênh lệch tài sản là 873.225.000đ, anh H đã trả tiền và chị M đã nhận đủ tiền ngay tại phiên tòa. Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung khi ly hôn của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên cần tính lại án phí sơ thẩm cho phù hợp. Các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa nên anh Hùng phải chịu án phí phúc thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình) theo quy định tại Điều 147, 148 của BLTTDS và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Căn cứ Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về tài sản chung của vợ chồng: Xác nhận Quyền sử dụng đất diện tích 106m² (quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Duy D) tại thửa 300, tờ bản đồ số 4, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm 01 nhà hai tầng 61m² + Lán lợp broximang, công trình phụ khép kín, có tổng trị giá 1.200.000.000đ và Quyền sử dụng đất diện tích 167,5m², tại thửa 220, tờ bản đồ số 6, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất 01 dãy nhà trọ cấp 4 diện tích 123,3m² lợp broximang, sân bê tông diện tích 4,42m² có tổng trị giá 546.450.000đ đều ở thôn H, xã L, huyện K là tài sản chung của anh Bùi Đắc H, chị Bùi Thị M.

Xử: Công nhận sự tự thỏa thuận của anh Bùi Đắc H và chị Bùi Thị M. Giao cho anh Bùi Đắc H được quyền sở hữu và sử dụng tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 106m² (nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Duy D), tại thửa 300, tờ bản đồ số 4, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm 01 nhà hai tầng 61m² + Lán lợp broximang, công trình phụ khép kín, thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương có tổng trị giá 1.200.000.000đ, thửa đất có các cạnh như sau: Chiều mặt đường giáp đường thôn dài 5m, phần giáp hộ bà Đ dài 21,16m, phần giáp hộ bà Bùi Thị Th dài 21,16m, phần giáp hộ bà Nguyễn Thị N dài 5m (có sơ đồ kèm theo).

- Quyền sử dụng đất diện tích 167,5m², tại thửa 220, tờ bản đồ số 6, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất có 01 dãy nhà trọ cấp 4 diện tích 123,3m² lợp broximang, sân bê tông diện tích 4,42m² có tổng trị giá 546.450.000đ ở thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hình thể và kích thước thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 491931, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00306, do UBND huyện K cấp ngày 24/4/2015 mang tên người sử dụng là Bùi Đắc H, Bùi Thị M.

-Anh Bùi Đắc H phải trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị Bùi Thị M số tiền là 873.225.000đ (Tám trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (anh H trả tiền và chị M đã nhận đủ số tiền trên ngay tại phiên tòa phúc thẩm).

Anh Bùi Đắc H, chị Bùi Thị M mỗi người nhận được giá trị tài sản là 873.225.000đ (Tám trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

-Về án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình): Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 38.929.000đ (Ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị M đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000882 và 12.000.000đ theo biên lai số AA/2016/00883 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 29/6/2018. Chị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.629.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Anh Bùi Đắc H phải chịu 38.929.000đ (Ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

-Về án phí phúc thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình): Anh Bùi Đắc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm dân sự (về việc Hôn nhân và gia đình) và được đối trừ với số tiền 300.000đ anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003930 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục T.H.A DS huyện Kim Thành;
- UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân